

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG SÀI GÒN (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020
(Tuần từ ngày 21 tháng 02 năm 2020 đến ngày 27 tháng 02 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Bến Cát	26,6	26,6	+ 90,2	+ 66,3	- 80,5	- 74,8	-	1,6
Bình Long	0,6	2,4	- 80,1	- 88,9	- 96,9	- 95,2	-	2,0
Cần Đăng	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	3,4
Dầu Tiếng	36,3	36,3	+ 72,8	+ 49,4	- 70,4	- 34,5	+1.628,6	1,6
Đồng Ban	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	3,0
Gò Dầu	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	1,5
Lộc Ninh	1,2	1,2	- 82,2	- 90,5	- 79,3	- 93,1	-	2,3
Sở Sao	21,2	21,4	+ 5,0	+ 234,4	- 64,9	- 87,2	+ 8,1	3,8
Tân Sơn Hòa	9,9	9,9	- 51,3	+ 421,1	- 91,3	- 91,6	- 66,2	1,8
Tây Ninh	9,5	9,5	- 49,9	+ 72,7	- 87,8	- 72,8	-	3,9
Trung bình	10,5	10,7	- 39,6	+ 36,4	- 87,1	- 84,9	+ 523,5	2,5

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực thấp hơn TBNN 39,6%, cao hơn năm 2019 là 36,4%, thấp hơn năm 2018 là 87,1% và thấp hơn 84,9% so với năm 2017. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Dầu Tiếng (36,3 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại các trạm Cần Đăng, Đồng Ban, Gò Dầu (0,0 mm).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 2,5 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Dầu Tiếng	1.580,00	1116,39	70,66	- 2,1	+ 3,5	- 4,4	- 16,3	Giảm	49,23
Hồ Càn Nôm	7,99	4,87	60,95	- 19,4	- 24,0	- 31,1	- 24,5	Giảm	65,08
Hồ Ba Veng	0,8674	0,87	100,00	+ 52,9	+ 22,1	+ 39,9	+ 93,2	Giảm	79,87
Hồ Tha La	23,47	19,61	83,54	- 16,3	- 16,5	- 16,5	- 16,4	Giảm	86,29
Hồ Bù Nâu	0,614	0,53	86,42	+ 9,2	- 13,6	+ 6,1	+ 61,9	Giảm	42,98
Hồ Tà Thiết	1,15	0,429	37,26	- 26,3	- 42,6	- 31,5	+ 3,6	Giảm	27,23
Hồ Rừng Cẩm	2,068	1,82	88,20	+ 19,4	- 9,2	+ 15,4	+ 68,2	Giảm	62,47
Hồ Tà Te	0,756	0,57	75,31	+ 5,7	0	+ 0,5	+ 33,8	Giảm	58,85
Hồ Suối Láp	0,37	0,37	100,00	- 37,4	+ 3,7	+ 35,0	+ 30,7	Giảm	88,61
Hồ Lộc Thạnh	2,957	2,96	100,00	+ 63,2	+ 46,3	+ 60,7	+ 54,3	Giảm	65,54
Trung bình/Tổng	1.620,24^(*)	1.148,41	70,88	+ 4,9	- 3,0	+ 7,4	+ 28,9		49,90

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 1.620 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 20/02/2020 ở mức khá so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 1.148,41 triệu m³ (đạt 70,88% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019, cao hơn cùng kỳ năm 2017, cao hơn cùng kỳ năm 2018 và TBNN. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 50% DTTK như: Hồ Tà Thiết (37,26% DTTK) thuộc tỉnh Bình Phước.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 2 của vụ Đông Xuân 2019-2020 của 10 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) là **54,70** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2019-2020				Nhu cầu nước tưới tháng 2 cho vụ Đông Xuân 2019-2020 (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		6.715,0	1.681,0	35.265,0	447,0	54,70
1	Hồ Dầu Tiếng	6.500	1.647	32.613	440	51,66
2	Hồ Càn Nôm	89	31		7	0,30
3	Hồ Ba Veng			70		0,06
4	Hồ Tha La	10	3	2.237		2,00
5	Hồ Bù Nâu	42		50		0,15
6	Hồ Tà Thiết	70		20		0,29
7	Hồ Rừng Cẩm			90		0,08
8	Hồ Tà Te	4		30		0,04
9	Hồ Suối Láp			85		0,07
10	Hồ Lộc Thạnh			70		0,06

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 2 năm 2019 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Dầu Tiếng	105,15
2	Hồ Càn Nôm	0,56
3	Hồ Ba Veng	0,15
4	Hồ Tha La	9,49
5	Hồ Bù Nâu	0,47
6	Hồ Tà Thiết	0,05
7	Hồ Rừng Cẩm	0,32
8	Hồ Tà Te	0,05
9	Hồ Suối Láp	0,23
10	Hồ Lộc Thạnh	0,29

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 2 cho vụ Đông Xuân, kết quả dự báo tuần từ ngày 21/02/2020 đến ngày 27/02/2020 như sau:

- 10/10 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%: Hồ Dầu Tiếng, hồ Càn Nôm, hồ Ba Veng, hồ Tha La, hồ Bù Nâu, hồ Tà Thiết, hồ Rừng Cẩm, hồ Tà Te, hồ Suối Láp, hồ Lộc Thạnh.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2019-2020 từ ngày 21/02/2020 đến 27/02/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Dầu Tiếng	70,66	41.200	68,45	100	41.200	Đủ nước
Hồ Càn Nôm	60,95	127	55,32	100	127	Đủ nước
Hồ Ba Veng	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Tha La	83,54	2.250	72,57	100	2.250	Đủ nước
Hồ Bù Nâu	86,42	92	84,61	100	92	Đủ nước
Hồ Tà Thiết	37,26	90	35,17	100	90	Đủ nước
Hồ Rừng Cẩm	88,20	90	87,53	100	90	Đủ nước
Hồ Tà Te	75,31	34	74,07	100	34	Đủ nước
Hồ Suối Láp	100,00	85	100,00	100	85	Đủ nước
Hồ Lộc Thạnh	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Trung bình/Tổng	70,88	44.108^(*)	68,53	100	44.108^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tây Ninh	Thanh Bắc – Tân Biên	13,4	-	- 40	- 86	Rủi ro hạn thấp
Dầu	Tân Hà – Tân Châu	37,9	-	+ 50	- 69	Rủi ro

Tiếng	Thanh Đức – Gò Dầu					hạn thấp
	Cầu Khởi – Dương Minh Châu					
	Gia Lộc – Trảng Bàng					
Trung bình		25,6	-	+ 5	- 78	Rủi ro hạn thấp

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 5 % và cao hơn so với năm có lượng mưa nhỏ nhất (do lượng mưa cộng dồn năm nhỏ nhất tính đến thời điểm ngày 27/2 các trạm là bằng 0 mm). Mặc dù trong tuần qua, tại khu vực Bến Cát, Dầu Tiếng, Long Thành đã có mưa vừa, một số nơi như trạm Tây Ninh, Sở Sao cũng có mưa nhỏ giúp giảm bớt căng thẳng nguồn nước vùng ngoài công trình ở những khu vực này. Tuy nhiên, một số khu vực lượng mưa đo được từ đầu năm đến nay rất ít (phổ biến không mưa) và số ngày liên tiếp không mưa kéo dài, khuyến cáo người dân có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước. Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
44.108	6.715	37.393					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 27/02/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 1.110,4 triệu m³ (chiếm 68,53% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 10/10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 27/02/2020 không thay đổi.

Hiện tại, khu vực đang trong mùa khô 2019-2020. Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2019-2020, kiến nghị một số nội dung sau: (1) Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước

không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước. (2) Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; (3) Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 28/02/2020 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG